



# Barnebøker for Norge

[barneboker.no](http://barneboker.no)

Một hát giông nhỏ: Câu chuyện về

Wangari Maathai / Et lite frø: Historien om

Wangari Maathai

Skrevet av: Nicola Rijsdijk

Illustrert av: Maya Marshak

Oversatt av: Phuong Nguyen (vi), Finn Stranger-

Johannessen (nb)

Denne fortellingen kommer fra African Storybook ([africanstorybook.org](http://africanstorybook.org)) og er videreformidlet av Barnebøker for Norge ([barneboker.no](http://barneboker.no)), som tilbyr barnebøker på mange språk som snakkes i Norge.

Dette verket er lisensiert under en Creative Commons

[Navngivelse 4.0 Internasjonal Lisens.](https://creativecommons.org/licenses/by/4.0/deed.no)

<https://creativecommons.org/licenses/by/4.0/deed.no>



|| nivå 3

viết nămesis k / bokmål

Phuong Nguyen

Maya Marshak

Nicola Rijsdijk



Maathai

Et lite frø: Historien om Wangari

Wangari Maathai

Một hát giông nhỏ: Câu chuyện về



Trong một ngôi làng trên sườn núi Kenya ở Đông Phi, có một cô gái nhỏ làm ngoài đồng cùng với mẹ. Tên bạn ấy là Wangari.

...

I en landsby ved foten av Mount Kenya i Øst-Afrika arbeidet en liten jente sammen med moren sin på åkeren. Wangari het hun.

Wangari thich ở ngoài trời. Trong vườn trồng rau quả của gia đình, bà dùng dao để xới đất. Bà ăn những hạt giống nhỏ vào đất âm.

...

Wangari var glad i å være ute. Familien hadde en kjøkkenhage. Der vendte hun grønnsaksbedet med macheten sin. Hun stakk små frø ned i den varme jorda.





Thời gian thích nhất của bạn là ngay sau khi mặt trời lặn.  
Khi trời tối quá không thể nhìn thấy cây được nữa,  
Wangari biết đó là lúc phải về nhà. Bạn đi dọc theo  
những con đường mòn nhỏ xuyên qua những cánh đồng  
và băng qua những dòng sông.

...

Hun syntes den beste tiden på dagen var rett etter  
solnedgang. Når det ble for mørkt til å se plantene,  
visste hun at det var på tide å gå hjem. Hun gikk langs  
smale stier på markene og over bekker på sin vei.



Wangari mất năm 2011, nhưng chúng ta có thể nghĩ về  
bà mỗi khi chúng ta nhìn thấy một cái cây xinh đẹp.

...

Wangari døde i 2011, men vi kan tenke på henne hver  
gang vi ser et vakkert tre.



Wangari đã làm việc rất chăm chỉ. Người khác nói trên thế giới ghi nhận điều này, và trao cho bà một giải thưởng rất nổi tiếng. Đó là giải Nobel hòa bình. Bà là người phụ nữ châu Phi đầu tiên nhận giải này.

...

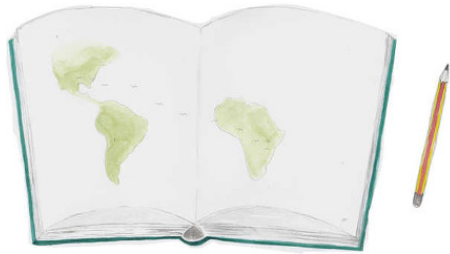
Wangari hadde arbeidet hardt. Folk over hele verden la merke til det og de ga henne en berømt pris. Den kalles Nobels fredspris. Hun ble den første afrikanske kvinnen som fikk den.



...

Wangari là một đứa trẻ thông minh và rất nông lòng muốn đi học. Tuy nhiên, bố mẹ bà muốn bà ở nhà để giúp đỡ mình. Khi bà bày tỏ, anh trai bà thuyết phục bố mẹ bà cho bà đi học.

Wangari var en flink jente og ville gjerne begynne på skolen. Men moren og faren ville at hun skulle være hjemme og hjelpe til. Da hun ble syv år, overtalte storebroren mor og far til å la henne få gå på skolen.



Bạn rất thích học! Càng đọc sách, bạn càng học được nhiều điều hơn. Ở trường, bạn học giỏi quá đến nỗi bạn được mời sang Mỹ học. Wangari rất phấn khởi! Bạn ấy muốn biết thêm nhiều điều về thế giới.

...

Hun likte å lære! Wangari lærte mer og mer for hver bok hun leste. Hun ble så flink på skolen at hun ble invitert til å studere i USA. Wangari ble så glad! Hun ville lære mer om verden.



Thời gian trôi qua, những cây mới lớn thành rừng, và những con sông bắt đầu chảy lại. Thông điệp của Wangari lan ra khắp châu Phi. Ngày nay, hàng triệu cây đã lớn lên từ những hạt giống của Wangari.

...

Tiden gikk og de nye trærne vokste og ble til skog, og det kom vann i elvene igjen. Historien om Wangari spredte seg over hele Afrika. I dag er det millioner av trær som har vokst opp fra Wangaris frø.

Ở trường đại học Mỹ, Wangari học rất nhiều điều mới. Bà học về cây và sự phát triển của chúng. Và bà nhớ lại mình đã lớn lên như thế nào – chơi trò chơi cùng các anh của mình dưới bóng mát của cây trong những khu rừng Kenya xinh đẹp.

...

Wangari lærte mye nytt på det amerikanske universitetet. Hun studerte planter og hvordan de vokser. Og husket hvordan hun hadde vokst opp selv: i leker og spill med brødrene sine i Kenyas vakre skoger.



Wangari biêt là phải làm gì. Bà ấy dạy những người phụ nữ cách trồng cây từ hạt. Những người phụ nữ này bán cây lấy tiền để chăm sóc cho gia đình mình. Họ rất hạnh phúc. Wangari đã giúp họ cảm thấy mạnh mẽ.

...

Wangari visste råd. Hun lærte kvinnene å plante trær ved å så frø i jorda. Kvinnene solgte trærne og brukte pengene til beste for familien sin. De ble veldig glade. Wangari hadde fått dem til å føle seg sterke og mektige.





Càng học nhiều bao nhiêu, bạn ấy càng nhận ra là mình yêu những người ở Kenya. Bạn ấy muốn họ hạnh phúc và tự do. Càng học nhiều bao nhiêu, bạn ấy càng nhớ nhà ở châu Phi bấy nhiêu.

...

Hun skjønnte hun var glad i folk fra Kenya jo mer hun lærte. Hun ville de skulle være glade og frie. Og jo mer hun lærte, desto mer husket hun hjemmet sitt i Afrika.



Khi học xong, bạn ấy quay về Kenya. Nhưng đất nước của bạn đã thay đổi. Các trang trại lớn trải dài khắp nơi. Phụ nữ không có củi để đốt lửa nấu ăn. Người thì nghèo và trẻ con thì đói.

...

Da hun var ferdig med å studere, dro hun tilbake til Kenya. Men landet hennes var forandret. Kjempestore bondegårder strakte seg utover i landet. Kvinnene hadde ikke ved til å tenne bål for å lage mat. Folk var fattige og barn sultet.